TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 07-4-2021
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thanh Thảo

Ông Nguyễn Văn Hai

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Thìn– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 28 tháng 01; ngày 08 tháng 3 và ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 259/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 23/02/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1988
Địa chỉ: Khóm B, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh V, sinh năm 1989
Địa chỉ: Khóm M, Phường F, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V chung sống vợ chồng từ năm 2011, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2012 tại UBND phường 4, thành phố Sa Đéc. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm. Sau khi cưới về sống bên nhà cha mẹ chồng được khoảng 01 năm thì vợ chồng về nhà cha mẹ ruột chị T ở phường An Hòa sống. Quá trình chung sống hạnh phúc, khoảng 02 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn do anh V thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi khi uống rượu say về đến nhà thì kiếm chuyện chưởi mắn chị T. Ngoài ra, anh V còn không lo làm ăn, đổi chỗ làm liên tục, không phụ tiếp tiền bạc cho chị T để lo cho gia đình. Từ tháng 5/2020, anh V bỏ nhà đi về bên nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Từ khi anh V bỏ đi anh V không có liên lạc quan tâm chăm sóc gì cho gia đình. Nay về hôn nhân, chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh V, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu ly hôn anh V.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống với anh V có 01 con chung tên P, sinh ngày 04/12/2012, hiện con đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con. Trong vụ án này chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận với anh V, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn anh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị T quen biết nhau được khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân có đám cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND Phường 4, thành phố Sa Đéc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là chị T nghi ngờ anh V có quen người phụ nữ khác bên ngoài thông qua những tin nhắn trên điện thoại của anh V, nhưng bản thân anh V xác định không có quen ai hết chỉ là bạn bè nhắn tin qua lại hỏi thăm nhau. Từ đó, chị T lạnh nhạt và không còn quan tâm đến anh V nữa. Nay về tình cảm anh V còn thương chị T, anh V không đồng ý ly hôn chị T.

Về nuôi con chung: Anh V thống nhất với chị T vợ chồng chung sống có 01 con tên P, sinh ngày 04/12/2012, hiện nay đang sống chung với chị T, cháu học lớp 3, trường tiểu học Vĩnh Phước. Trường hợp nếu ly hôn, anh V yêu cầu được nuôi con, anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 03 chiếc xe gắn máy, sổ tiết kiệm và bảo hiểm nhân thọ nhưng anh V không biết bao nhiêu tiền, hiện chị T đang giữ. Trường hợp phải ly hôn anh V yêu cầu chia số tài sản chung trên.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản khai ngày 23/12/2020, con của chị T và anh V là cháu P trình bày: Khi cha mẹ ly hôn và không còn sống chung với nhau nữa, thì cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh V đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn trở lại chung sống. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Cho chị T và anh V ly hôn; Về con chung: giao cho chị T được quyền nuôi con tên Nguyễn Đình Phong. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về chia tài sản chung: anh V yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên anh V không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không xem xét. Về nợ chung do đương sự xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Khóm 1, Phường 4, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn là anh Nguyễn Đình V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Đình V.

[3] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Đình V chung sống vợ chồng từ năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2012 tại UBND Phường 4, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh V không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu. Vợ chồng thiếu sự tin tưởng, quan tâm, chia sẽ với nhau trong cuộc sống cũng như công việc. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, làm cho tình cảm ngày càng bị tổn

thương, rạn nứt, không thể hàn gắn. Từ tháng 5/2020, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, lo lắng cho nhau.

Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh V, chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn anh V. Về phía anh V không đồng ý ly hôn chị T, nhưng từ tháng 5/2020 vợ chồng sống ly thân anh V cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm giữa vợ chồng. Anh V cũng không có thiện chí đến tham gia phiên hòa giải tại tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh V đã không thể hàn gắn được. Nếu chị T và anh V trở về tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn anh V là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về nuôi con chung: Có 01 con tên P, sinh ngày 04/12/2012, hiện con đang sống với chị T. Chị T và anh V đều có nguyện vọng được nuôi con chung sau ly hôn. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi thì cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên.

Tại Khoản 1, 2 Điều 81. Luật Hôn nhân và Gia đình quy định

1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Tại Khoản 3 Điều 82. Luật Hôn nhân và Gia đình quy định

"3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở".

Xét thấy: Từ khi sinh ra cháu P sống cùng với chị T và anh V. Từ tháng 5/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh V ra ngoài thuê nhà trọ sống, cháu P vẫn sống với chị T. Hiện nay, cháu Phong đang sống ổn định với chị T, hiện cháu P đang học lớp 3 trường tiểu học Vĩnh Phước có sự phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Chị T hiện đang làm kế toán thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc là làm giờ hành chính nên đảm bảo trong việc chăm sóc, đưa rước con đi học. Bản thân anh V hiện không có nơi ở và thu nhập ổn định, không đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Hơn nữa, cháu Phong còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ và cháu Phong cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Phong, nhằm giữ sự ổn định về tâm sinh lý cho cháu Phong. Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết giao cháu Phong cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu P. Về phía anh V có quyền nghĩa vụ đến thăm con, không ai được cản trở.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3.4] Về chia tài sản chung: Tại phiên tòa ngày 28/01/2021, chị T và anh V xác định tài sản chung 03 chiếc xe gắn máy (01 chiếc hiện Công an đang giữ) còn lại 02 chiếc do chị T đứng tên, hiện anh chị mỗi người đang quản lý, sử dụng 01 chiếc xe và phần bảo hiểm nhân thọ mua cho anh V và con của anh chị là cháu Phong. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T xác định không yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án ly hôn này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Đình V, anh V yêu cầu chia số tài sản chung trên và yêu cầu chia tài sản là cuốn sổ tiết kiệm trị giá khoảng 300.000.000 đồng. Ngày 29/01/2021 và ngày 09/3/2021 Tòa án đã ra thông báo yêu cầu anh V cung cấp ý kiến và tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu chia tài sản của anh V. Tuy nhiên, anh V không có văn bản ý kiến cũng như không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của anh V là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu của anh V. Sau này nếu phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3.5] Về nợ chung: Chị T và anh V xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim T. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Đình V.

2. Về nuôi con chung:

Chị Nguyễn Thị Kim T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên P, sinh ngày 04/12/2012, hiện con đang sống với chị T.

Chị Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu anh Nguyễn Đình V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Anh Nguyễn Đình V có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự xác định không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp ngày 30/9/2020 theo biên lai thu số 0008330 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt, niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án ND Tỉnh ĐT;
- VKS ND TP Sa Đéc;
- THA Dân sự TP Sa Đéc;
- UBND Phường 4, TP Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

Nguyễn Thị Phấn